



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013**



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 3703000188 ngày 2 tháng 3 năm 2006  
**Đăng ký Kinh doanh số** 4200636590 ngày 2 tháng 11 năm 2009

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 30 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Nguyễn Thị Hoa	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên
Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên
Ông Phan Vũ Hùng	Thành viên
	(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên
	(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Bà Phạm Thị Hồng Hoa	Thành viên
	(đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trầm Kim Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Thành Châu	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 19 tháng 2 năm 2013)
Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Phó Tổng Giám đốc
	(từ ngày 2 tháng 1 năm 2013)
Ông Lê An Khang	Phó Tổng Giám đốc
	(đến ngày 25 tháng 1 năm 2013)

**Ban Kiểm soát**

Ông Phạm Cao Sơn	Trưởng ban Kiểm soát
Ông Lưu Mạnh Thức	Thành viên
Ông Bùi Tấn Khải	Thành viên
	(từ ngày 2 tháng 4 năm 2013)
Bà Nguyễn Hồng Nữ	Thành viên
	(đến ngày 2 tháng 4 năm 2013)

**Trụ sở đăng ký**

Thôn Phước Lâm  
Xã Ninh Xuân  
Thị xã Ninh Hòa  
Tỉnh Khánh Hòa  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 48 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



Trần Kim Dung  
Tổng Giám đốc

Khánh Hòa, ngày 21 tháng 8 năm 2013



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến 48. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam**

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo soát xét: 13-01-303



**Nguyễn Thanh Nghị**  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

**Lâm Thị Ngọc Hào**  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2013

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>663.185.357.883</b>	<b>292.929.235.043</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>93.985.792.596</b>	<b>39.921.238.387</b>
Tiền	111		13.885.792.596	8.331.238.387
Các khoản tương đương tiền	112		80.100.000.000	31.590.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>183.328.172.756</b>	<b>187.226.260.114</b>
Phải thu khách hàng	131		26.163.263.205	4.872.345.052
Trả trước cho người bán	132		149.161.288.492	179.455.993.576
Các khoản phải thu khác	135		8.329.819.388	3.224.119.815
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(326.198.329)	(326.198.329)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>380.740.804.851</b>	<b>63.489.895.549</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.130.587.680</b>	<b>2.291.840.993</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		675.181.188	154.715.025
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.960.109	1.160.479.510
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	11.960.109
Tài sản ngắn hạn khác	158		4.443.446.383	964.686.349
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>579.283.062.771</b>	<b>620.489.913.192</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>267.981.508.662</b>	<b>325.261.849.434</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	252.190.151.317	255.019.598.776
Nguyên giá	222		372.908.932.733	345.409.138.780
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.718.781.416)	(90.389.540.004)
Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	10.799.068.298	15.740.520.780
Nguyên giá	228		12.618.830.855	17.276.654.505
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.819.762.557)	(1.536.133.725)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	4.992.289.047	54.501.729.878
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>303.216.274.342</b>	<b>287.327.345.025</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		198.898.279.544	183.009.350.227
Đầu tư dài hạn khác	258		104.317.994.798	104.317.994.798

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.085.279.767</b>	<b>7.900.718.733</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.182.285.302	1.202.111.386
Tài sản dài hạn khác	268		68.500.000	68.500.000
Lợi thế thương mại	269	13	5.834.494.465	6.630.107.347
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.242.468.420.654</b>	<b>913.419.148.235</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>628.878.496.873</b>	<b>364.510.850.728</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>625.948.839.829</b>	<b>269.227.485.465</b>
Vay ngắn hạn	311	14	382.050.332.490	176.756.587.087
Phải trả người bán	312	15	112.511.592.611	28.430.048.603
Người mua trả tiền trước	313	16	21.289.835.926	27.429.479.800
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	26.930.551.242	3.483.996.906
Phải trả người lao động	315		18.689.773.243	5.677.452.197
Chi phí phải trả	316	18	41.426.520.157	2.661.085.288
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	16.711.793.493	12.917.119.304
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	6.338.440.667	11.871.716.280
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.929.657.044</b>	<b>95.283.365.263</b>
Vay dài hạn	334		-	92.053.686.436
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	21	2.929.657.044	3.229.678.827
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>609.280.624.896</b>	<b>544.608.688.124</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>609.280.624.896</b>	<b>544.608.688.124</b>
Vốn cổ phần	411	23	303.750.000.000	303.750.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	23	12.334.430.000	12.334.430.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		106.796.342.738	101.382.082.596
Quỹ dự phòng tài chính	418		14.387.252.506	11.680.122.435
Quỹ khác	419		(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		173.629.528.659	117.078.982.100
<b>LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỞ</b>	<b>439</b>	<b>24</b>	<b>4.309.298.885</b>	<b>4.299.609.383</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>1.242.468.420.654</b>	<b>913.419.148.235</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a- DN/HN

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên liên quan	10.631.583.300	-
Ngoại tệ (Đô la Mỹ)	23.403.213	9.531.294

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu	01	25	652.005.903.372	446.221.445.439
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	74.271.355	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>651.931.632.017</b>	<b>446.221.445.439</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	566.864.265.935	375.072.521.568
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>85.067.366.082</b>	<b>71.148.923.871</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	11.663.829.985	32.326.833.408
Chi phí tài chính	22	28	13.920.076.677	25.074.700.449
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.879.043.432</i>	<i>24.659.310.339</i>
Chi phí bán hàng	24		11.212.238.989	2.902.007.524
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.415.770.597	12.021.499.044
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))</b>	<b>30</b>		<b>57.183.109.804</b>	<b>63.477.550.262</b>
Thu nhập khác	31	29	43.145.201.322	2.849.767.681
Chi phí khác	32	30	33.503.417.813	963.394.596
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>	<b>11</b>	<b>9.641.783.509</b>	<b>1.886.373.085</b>
<b>Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết</b>	<b>41</b>		<b>14.338.929.317</b>	<b>10.492.573.473</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)</b>	<b>50</b>		<b>81.163.822.630</b>	<b>75.856.496.820</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	14.717.244.118	12.258.644.090
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(300.021.783)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>66.746.600.295</b>	<b>63.597.852.730</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông thiểu số	61		9.689.502	(170.454.120)
Chủ sở hữu của Công ty	62		66.736.910.793	63.768.306.850
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>2.197</b>	<b>6.864</b>

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Tổng Giám đốc

Trần Kim Dũng

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		81.163.822.630	75.856.496.820
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		37.423.361.438	30.171.384.240
Các khoản dự phòng	03		-	(9.428.814.263)
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(16.177.830.467)	(10.492.573.473)
Thu nhập lãi và cổ tức	05		(10.932.115.119)	(3.776.229.601)
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	05		(5.312.549.675)	(18.819.932)
Lợi nhuận từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	05		-	(19.509.523.152)
Chi phí lãi vay	06		13.879.043.432	24.659.310.339
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>100.043.732.239</b>	<b>87.461.230.978</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		7.259.315.031	(243.381.062.965)
Biến động hàng tồn kho	10		(317.250.909.302)	(134.957.613.425)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		146.968.659.337	145.292.916.392
Biến động chi phí trả trước	12		(809.461.392)	536.134.864
			<b>(63.788.664.087)</b>	<b>(145.048.394.156)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(15.279.880.711)	(23.940.189.367)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.324.181.602)	(5.388.910.492)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(7.598.249.634)	(4.748.322.651)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(89.990.976.034)</b>	<b>(179.125.816.666)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.133.602.691)	(6.508.808.714)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		37.246.467.045	32.175.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(205.698.256.585)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	148.662.804.400
Tiền chi mua công ty con, trừ đi số dư tiền của công ty con tại ngày mua	25		-	(12.968.782.038)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		3.702.606.922	6.680.638.001
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>30.815.471.276</b>	<b>(69.800.229.936)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	20.233.900.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		501.633.985.180	575.350.863.553
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(388.393.926.213)	(328.561.114.030)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(16.274.208.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>113.240.058.967</b>	<b>250.749.441.523</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>54.064.554.209</b>	<b>1.823.394.921</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>39.921.238.387</b>	<b>2.636.591.673</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>93.985.792.596</b>	<b>4.459.986.594</b>

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên



Trần Kim Dũng

Ngày 21 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

## **Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (“Nhà máy Đường Ninh Hòa – Công ty Đường Khánh Hòa”) theo Quyết định số 2267/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ từ mía; sản xuất và kinh doanh mua bán điện; thi công xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; mua bán vật tư nông nghiệp và kinh doanh bất động sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và kinh doanh dịch vụ kho bãi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung (“Bò giống Miền Trung”). Công ty nắm giữ 59,04% cổ phần trong công ty con này. Bò giống Miền Trung được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3703000180 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 21 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Bò giống Miền Trung là chăn nuôi bò; trồng mía và các loại cây công nghiệp khác; kinh doanh thức ăn cho gia súc, bò nuôi và các sản phẩm chăn nuôi khác; gia công gỗ và các hoạt động lâm nghiệp; trồng rừng; kinh doanh bất động sản, khách sạn và các hoạt động du lịch.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 125/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn có 439 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 365 nhân viên).

### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là các đơn vị mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của các đơn vị này. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Các khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản lợi nhuận phát sinh trước ngày Tập đoàn mua khoản đầu tư đó được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào nguyên giá các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Trả trước cho người bán**

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán có các khoản trả trước cho nông dân trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn. Dự phòng cho các khoản trả trước quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ gia súc	12 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất từ 6 đến 28 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu phản ánh công cụ, dụng cụ và gia súc không đủ tiêu chuẩn để ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo quy định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND. Công cụ, dụng cụ và gia súc được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng chi phí bảo trì***

Dự phòng chi phí bảo trì liên quan đến các công việc bảo trì trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và đánh giá hợp lý của Ban Tổng Giám đốc. Các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các kỳ tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo tài chính định kỳ.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(o) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa là các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các tài sản tài chính mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm bán lại hoặc mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(r) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**(s) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**(t) Doanh thu**

**(i) Bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(ii) Điện**

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận tương ứng theo tỷ lệ thời gian trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

**(u) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(v) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

**(w) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

**(x) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của các công ty này.

**4. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất, là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	144.141.717	195.722.271
Tiền gửi ngân hàng	13.741.650.879	8.135.516.116
Các khoản tương đương tiền	80.100.000.000	31.590.000.000
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>	<b>93.985.792.596</b>	<b>39.921.238.387</b>

**6. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>		
Thương mại	9.886.273.514	-
Phi thương mại	284.817.014	284.817.014

Khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho nông dân trồng mía với giá trị là 114.441 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 177.889 triệu VND). Các khoản trả trước cho nông dân trồng mía không được đảm bảo, ngoại trừ các khoản trả trước với giá trị lớn hơn 300 triệu VND được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của nông dân, và chịu lãi suất năm từ 14% đến 15%. Trong trường hợp nông dân hoàn thành một số điều kiện theo hợp đồng, Công ty sẽ hỗ trợ một phần lãi suất cho nông dân tương ứng với 50% số tiền lãi phải trả. Các khoản trả trước này được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Công ty.

Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã cần trừ tổng cộng 331.747 triệu VND trả trước cho nông dân trồng mía với mía nguyên liệu mua từ nông dân (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 322.200 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Đặt cọc theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (*)	-	1.550.000.000
Cổ tức phải thu từ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	7.229.508.197	-
Phải thu khác	1.100.311.191	1.674.119.815
	8.329.819.388	3.224.119.815

- (\*) Theo thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu ngày 15 tháng 5 năm 2012, Công ty đồng ý mua 100.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”), một công ty liên kết, từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (“Sacombank”), với giá mua bằng tiền là 1,5 tỷ VND. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản đặt cọc 100% tiền mua cổ phiếu trả trước cho Sacombank. Công ty đã nhận được số cổ đông trong năm 2013 và tất toán khoản đặt cọc này.

## 7. Hàng tồn kho

	30/06/2013 VND	31/12/2012 VND
Hàng mua đang đi đường	101.151.816.360	517.300.000
Nguyên vật liệu	2.372.069.035	6.947.116.140
Công cụ và dụng cụ	6.937.534.976	5.123.119.917
Sản phẩm dở dang	4.351.314.383	4.946.556.031
Thành phẩm	264.886.024.979	45.382.513.246
Hàng hóa	1.042.045.118	573.290.215
	380.740.804.851	63.489.895.549

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 99.663 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 52.134 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Gia súc VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	73.246.117.601	258.116.107.516	12.289.304.642	1.270.321.639	487.287.382	345.409.138.780
Tăng trong kỳ	720.978.364	3.596.039.346	-	194.819.544	-	4.511.837.254
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.764.159.006	53.367.047.262	-	-	-	55.131.206.268
Thanh lý	(30.521.015.800)	-	-	-	(24.540.000)	(30.545.555.800)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(143.068.568)	(503.003.420)	-	(89.934.817)	-	(736.006.805)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(51.232.057)	(151.162.218)	-	(196.545.307)	(462.747.382)	(861.686.964)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>45.015.938.546</b>	<b>314.425.028.486</b>	<b>12.289.304.642</b>	<b>1.178.661.059</b>	<b>-</b>	<b>372.908.932.733</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	15.683.115.524	71.816.013.532	2.164.476.301	500.196.911	225.737.736	90.389.540.004
Khấu hao trong kỳ	3.392.964.762	30.332.106.188	628.421.382	135.435.820	16.290.422	34.505.218.574
Thanh lý	(3.255.575.009)	-	-	-	(13.887.071)	(3.269.462.080)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(100.197.991)	(399.581.749)	-	(60.763.390)	-	(560.543.130)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(12.811.410)	(49.766.627)	-	(55.252.828)	(228.141.087)	(345.971.952)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>15.707.495.876</b>	<b>101.698.771.344</b>	<b>2.792.897.683</b>	<b>519.616.513</b>	<b>-</b>	<b>120.718.781.416</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	57.563.002.077	186.300.093.984	10.124.828.341	770.124.728	261.549.646	255.019.598.776
Số dư cuối kỳ	29.308.442.670	212.726.257.142	9.496.406.959	659.044.546	-	252.190.151.317

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

Giá trị của tài sản cố định hữu hình của Công ty mua trước ngày 10 tháng 2 năm 2006 được ghi nhận dựa theo giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày cổ phần hóa, theo định giá của Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán và được phê duyệt bởi Ủy ban Nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 10.146 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.821 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 9.325 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 159.520 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	16.737.574.571	539.079.934	17.276.654.505
Thanh lý	(4.657.823.650)	-	(4.657.823.650)
Số dư cuối kỳ	12.079.750.921	539.079.934	12.618.830.855
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.382.292.070	153.841.655	1.536.133.725
Khấu hao trong kỳ	228.811.344	54.817.488	283.628.832
Số dư cuối kỳ	1.611.103.414	208.659.143	1.819.762.557
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	15.355.282.501	385.238.279	15.740.520.780
Số dư cuối kỳ	10.468.647.507	330.420.791	10.799.068.298

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 577 triệu VND đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 577 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 không có tài sản cố định vô hình (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.657 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	54.501.729.878	64.090.641.512
Tăng trong kỳ	5.621.765.437	4.962.269.573
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.131.206.268)	(68.386.142.124)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.992.289.047	666.768.961

Trong kỳ, không có chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 467 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**11. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2013				31/12/2012			
	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn chủ sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
<b>Đầu tư vốn dài hạn vào các công ty liên kết:</b>								
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (a)	1.413.210	45,1%	45,1%	23.066.499.773	1.313.210	41,9%	41,9%	19.888.845.500
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (b)	3.508.981	42,1%	42,1%	80.754.395.367	3.508.981	42,1%	42,1%	74.201.876.549
▪ Công ty Cổ phần Mía Đường – Nhiệt điện Gia Lai (c)	4.000.000	22,98%	22,98%	95.077.384.404	4.000.000	22,98%	22,98%	88.918.628.178
				198.898.279.544				183.009.350.227
<b>Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu:</b>								
▪ Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	13,39%	84.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	10%	19.500.000.000
▪ Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	58.324	0%	0%	817.994.798	58.324	0%	0%	817.994.798
				104.317.994.798				104.317.994.798
				303.216.274.342				287.327.345.025

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

- (a) Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang (“Đường Phan Rang”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4303000027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 26 tháng 12 năm 2005. Hoạt động chính của Đường Phan Rang là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm khác làm từ mía; sản xuất và kinh doanh nước giải khát; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thực ăn gia súc và các sản phẩm nông sản khác; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; cung cấp các dịch vụ gia công và sửa chữa; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và cung cấp các dịch vụ gửi hàng.
- (b) Công ty Cổ phần Mía Đường 333 (“Đường 333”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4003000094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Hoạt động chính của Đường 333 là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ làm từ mía, sản xuất hạt điều xuất khẩu; sản xuất và kinh doanh nước uống, nước giải khát; sản xuất và kinh doanh phân bón hữu cơ; kinh doanh các sản phẩm dầu và khí; và kinh doanh các loại nông sản.
- (c) Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai (“SEC”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 1950/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 18 tháng 7 năm 1997. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường và các sản phẩm phụ làm từ mía; trồng mía; sản xuất và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chế biến hàng nông sản; sản xuất và kinh doanh phân bón và đầu tư tài chính.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, khoản đầu tư cổ phiếu vào Công ty Cổ phần điện Gia Lai có giá trị ghi sổ là 84 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND), Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai có giá trị ghi sổ là 89 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND), Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung có giá trị ghi sổ là 14.732 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa có giá trị ghi sổ là 818 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	183.009.350.227	74.725.141.519
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	1.550.000.000	6.449.020.000
Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	16.177.830.467	10.492.573.473
Phân bổ lợi thế thương mại	(1.838.901.150)	-
Cổ tức đã nhận	-	(3.942.610.000)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>198.898.279.544</b>	<b>87.724.124.992</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Biến động của các khoản đầu tư dài hạn khác trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	104.317.994.798	89.508.536.651
Các khoản đầu tư mới trong kỳ	-	193.064.406.585
Thanh lý các khoản đầu tư trong kỳ	-	(129.153.281.248)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>104.317.994.798</b>	<b>153.419.661.988</b>

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	-	12.674.525.848
Tăng dự phòng trong kỳ	-	3.245.711.585
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(12.674.525.848)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>3.245.711.585</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	1.202.111.386	1.285.204.874
Tăng do mua lại công ty con	-	33.650.000
Tăng trong kỳ	756.139.491	519.220.960
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình - giá trị thuần	515.715.012	-
Phân bổ trong kỳ	(291.680.587)	(833.307.924)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.182.285.302</b>	<b>1.004.767.910</b>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

13. Lợi thế thương mại

	VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	7.956.128.816
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	1.326.021.469
Khấu hao trong kỳ	795.612.882
Số dư cuối kỳ	2.121.634.351
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu kỳ	6.630.107.347
Số dư cuối kỳ	5.834.494.465

14. Vay ngắn hạn

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	382.050.332.490	146.845.422.227
Vay dài hạn đến hạn trả	-	29.911.164.860
	382.050.332.490	176.756.587.087

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam (a)	VND	8,3% - 9%	91.500.000.000	79.696.370.994
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (b)	VND	8,5%	85.295.583.968	-
Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (c)	VND	7,5% - 9%	52.000.000.000	55.671.353.560
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương (d)	VND	12%	48.295.263.187	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (e)	VND	8% - 12%	45.046.730.173	11.477.697.673

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Tiền tệ	Lãi suất	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (f)	VND	6,8% - 9%	39.912.755.162	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (g)	VND	8,8% - 9,1%	20.000.000.000	-
			382.050.332.490	146.845.422.227

- (a) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản phải thu từ các bên liên quan của Tập đoàn với số dư phải thu tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này cũng được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan, với giá trị đảm bảo tối thiểu là 3.250.000 Đô la Mỹ.
- (b) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công, một công ty liên quan.
- (c) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị là 52 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 52 tỷ VND).
- (d) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị ghi sổ là 45 tỷ VND, Công ty Cổ phần Bò giống Miền Trung với giá trị ghi sổ là 14.732 triệu VND và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa với giá trị ghi sổ là 818 triệu VND.
- (e) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện Gia Lai với giá trị là 84 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 84 tỷ VND) và Công ty Cổ phần Mía đường – Nhiệt điện Gia Lai với giá trị là 44 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 44 tỷ VND).
- (f) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 40 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị ghi sổ là 9.325 triệu VND.
- (g) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 30 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Công ty với giá trị 47 tỷ VND.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**15. Các khoản phải trả người bán**

Bao gồm trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả cho các bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả các công ty liên quan khác	36.867.401.810	329.886.865

Khoản phải trả thương mại cho các công ty liên quan khác không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**16. Người mua trả tiền trước**

Bao gồm trong các khoản người mua trả tiền trước có các khoản trả trước từ các bên liên quan như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trả trước từ các cổ đông để mua đường	16.470.991.250	26.728.932.000

Khoản trả trước từ các cổ đông không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 10% đến 12% trong kỳ.

**17. Thuế phải nộp Nhà nước**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.622.214.680	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.176.072.518	2.783.010.002
Thuế thu nhập cá nhân	131.323.804	635.896.912
Các loại thuế khác	940.240	65.089.992
	26.930.551.242	3.483.996.906

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ nông dân trồng mía	27.081.745.529	-
Chi phí sửa chữa và bảo trì	12.591.269.227	-
Chi phí lãi của khoản người mua trả tiền trước	213.333.334	1.640.837.280
Chi phí lãi vay	723.666.091	696.999.424
Phí tư vấn	482.000.000	55.000.000
Chi phí khác	334.505.976	268.248.584
	<hr/>	<hr/>
	41.426.520.157	2.661.085.288

**19. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cho nông dân trồng mía	12.277.142.290	-
Khoản ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (*)	-	8.000.000.000
Cổ tức phải trả	2.847.996.800	2.847.996.800
Tiền đặt cọc đã nhận	413.000.000	1.189.600.000
Phải trả khác	1.173.654.403	879.522.504
	<hr/>	<hr/>
	16.711.793.493	12.917.119.304

(\*) Công ty nhận ứng trước từ Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa theo chính sách bình ổn giá thị trường trong dịp Tết Nguyên đán Quý Tỵ năm 2013. Khoản ứng trước này không chịu lãi và phải hoàn trả trong khoảng thời gian 3 tháng, tính từ ngày nhận khoản ứng trước. Công ty đã hoàn trả khoản ứng trước này trong kỳ.



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	11.871.716.280	9.011.273.406
Trích lập từ lợi nhuận giữ lại trong kỳ	5.421.917.200	-
Tăng do mua lại công ty con	-	53.363.596
Hoàn nhập trong kỳ	(3.356.943.179)	(617.492)
Sử dụng trong kỳ	(7.598.249.634)	(4.725.096.526)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	6.338.440.667	4.338.922.984

**21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Các khoản dự phòng	2.929.657.044	3.229.678.827
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

**22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	81.000.000.000	12.514.630.000	(39.255.176)	94.141.270.299	8.100.000.000	(1.616.929.007)	108.384.274.953	302.483.991.069
Phát hành cổ phiếu	20.250.000.000	(16.100.000)	-	-	-	-	-	20.233.900.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	63.768.306.850	63.768.306.850
Hoàn nhập các quỹ	-	-	-	(3.646.852.472)	-	-	3.646.852.472	-
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	617.492	617.492
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(20.250.000.000)	(20.250.000.000)
Chuyển sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	39.255.176	-	-	-	-	39.255.176
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	101.250.000.000	12.498.530.000	-	90.494.417.827	8.100.000.000	(1.616.929.007)	155.550.051.767	366.276.070.587
Phát hành cổ phiếu	202.500.000.000	(164.100.000)	-	-	-	-	-	202.335.900.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	17.836.203.051	17.836.203.051
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	10.887.664.769	3.629.221.590	-	(14.516.886.359)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(11.415.386.359)	(11.415.386.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(49.099.155)	-	-	(49.099.155)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	303.750.000.000	12.334.430.000	-	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Quỹ khác VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	66.736.910.793	66.736.910.793
Phân bổ vào các quỹ	-	-	5.414.260.142	2.707.130.071	-	(8.121.390.213)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.421.917.200)	(5.421.917.200)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>303.750.000.000</b>	<b>12.334.430.000</b>	<b>106.796.342.738</b>	<b>14.387.252.506</b>	<b>(1.616.929.007)</b>	<b>173.629.528.659</b>	<b>609.280.624.896</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.375.000	303.750.000.000	30.375.000	303.750.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.375.000	303.750.000.000	30.375.000	303.750.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2013		30/6/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	30.375.000	316.084.430.000	8.100.000	93.514.630.000
Cổ phiếu phát hành trong kỳ	-	-	2.025.000	20.233.900.000
Số dư cuối kỳ	30.375.000	316.084.430.000	10.125.000	113.748.530.000

**24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	4.299.609.383	-
Lãi/(lỗ) thuần trong kỳ	9.689.502	(170.454.120)
Mua lại công ty con	-	5.000.903.407
Số dư cuối kỳ	4.309.298.885	4.830.449.287

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**25. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Đường	524.180.596.724	327.900.184.272
▪ Mật	38.021.437.001	29.771.332.623
▪ Phân bón và thuốc trừ sâu	74.267.821.738	74.710.866.118
▪ Bùn, tro, bã	9.442.042.675	4.503.359.675
▪ Mía giống	2.647.299.000	4.983.882.800
▪ Điện	2.322.090.644	4.347.457.224
▪ Khác	1.124.615.590	4.362.727
	<b>652.005.903.372</b>	<b>446.221.445.439</b>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	74.271.355	-
	<b>74.271.355</b>	<b>-</b>
Doanh thu thuần	<b>651.931.632.017</b>	<b>446.221.445.439</b>

**26. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Giá vốn hàng bán		
▪ Đường	441.507.050.314	261.132.499.439
▪ Mật	41.493.499.056	29.771.332.623
▪ Phân bón và thuốc trừ sâu	70.715.251.818	71.531.962.566
▪ Bùn, tro, bã	7.406.757.198	3.216.559.786
▪ Mía giống	2.698.674.000	5.064.545.000
▪ Điện	2.322.090.644	4.347.457.224
▪ Khác	720.942.905	8.164.930
	<b>566.864.265.935</b>	<b>375.072.521.568</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	28.409.533.152
Cổ tức	7.316.994.197	12.141.000
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	2.895.490.049	2.517.948.705
Lãi từ tiền đặt cọc theo thỏa thuận mua cổ phiếu	-	1.038.201.600
Lãi tiền gửi	719.630.873	207.938.296
Doanh thu hoạt động tài chính khác	731.714.866	141.070.655
	<b>11.663.829.985</b>	<b>32.326.833.408</b>

**28. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	13.879.043.432	24.659.310.339
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	8.900.010.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(12.674.525.848)
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.245.711.585
Chi phí tài chính khác	41.033.245	944.194.373
	<b>13.920.076.677</b>	<b>25.074.700.449</b>

**29. Thu nhập khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Thu nhập từ cho thuê nhà	1.065.000.000	2.130.000.000
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	37.246.467.045	-
Tiền bồi thường nhận được	1.775.000.000	-
Tiền thu từ thanh lý vật tư, phế liệu	1.396.768.167	-
Thu nhập khác	1.661.966.110	719.767.681
	<b>43.145.201.322</b>	<b>2.849.767.681</b>

Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

**30. Chi phí khác**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí khấu hao nhà cho thuê	582.059.437	736.950.537
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	31.933.917.370	-
Giá vốn của phế liệu thanh lý	432.647.413	-
Chi phí khác	554.793.593	226.444.059
	<b>33.503.417.813</b>	<b>963.394.596</b>

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*(i) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Kỳ hiện hành	14.717.244.118	12.258.644.090
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(300.021.783)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<b>14.417.222.335</b>	<b>12.258.644.090</b>

*(ii) Đối chiếu thuế suất thực tế*

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	81.163.822.630	75.856.496.820
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn	20.290.955.658	18.964.124.205
Chi phí không được khấu trừ thuế	125.925.035	133.611.586
Thu nhập không chịu thuế	(5.999.658.358)	(2.396.814.988)
Ưu đãi thuế	-	(4.442.276.713)
	<b>14.417.222.335</b>	<b>12.258.644.090</b>

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(iii) Thuế suất áp dụng**

Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 66.736.910.793 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 63.768.306.850 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 30.375.500 (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 9.290.522), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	66.736.910.793	63.768.306.850
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	66.736.910.793	63.768.306.850

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013	30/6/2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	30.375.000	8.100.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành tháng 3 năm 2012	-	1.190.522
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	30.375.000	9.290.522

**33. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường



**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Phần này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro trong các rủi ro trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để hạch toán và quản lý rủi ro.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa của các tài sản tài chính này. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (ii)	93.841.650.879	39.725.516.116
Phải thu khách hàng và phải thu khác (iii)	34.493.082.593	7.770.266.538
Trá trước cho nông dân trồng mía (iv)	114.114.326.796	177.563.759.367
	<hr/>	<hr/>
	242.449.060.268	225.059.542.021

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hơn nữa, khách hàng được yêu cầu phải ứng tiền trước khi thực hiện yêu cầu mua hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 7 ngày hoặc 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 7 ngày hoặc 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua hàng trả chậm.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, không có khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào cần thiết phải lập cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong hạn	34.493.082.593	7.770.266.538

**(iv) Trả trước cho nông dân trồng mía**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản trả trước cho nông dân trồng mía chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng người nông dân. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách trả trước mà theo đó mỗi yêu cầu hỗ trợ tài chính từ người nông dân được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng thu hồi trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện đầu tư và thu hồi vốn chuẩn cho người nông dân đó. Hơn nữa, người nông dân được yêu cầu phải bán tất cả mía của họ cho Tập đoàn và khoản này sẽ được cần trừ vào khoản trả trước tương ứng. Khoản trả trước được hoàn trả theo lịch trình được thống nhất giữa nông dân và Tập đoàn. Người nông dân có số dư trả trước quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục nhận khoản đầu tư mới.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Tập đoàn tin rằng, ngoài dự phòng đã được lập, không có khoản dự phòng nào khác cần thiết phải lập cho các khoản trả trước chưa quyết toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản trả trước như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong hạn	113.415.739.248	177.095.973.858
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	487.829.774	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	228.921.727	-
Quá hạn trên 180 ngày	308.034.376	793.983.838
	<b>114.440.525.125</b>	<b>177.889.957.696</b>

Trong kỳ không có biến động liên quan tới khoản dự phòng cho các khoản trả trước cho nông dân trồng mía.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 – 2 năm VND</b>	<b>2 – 5 năm VND</b>	<b>Hơn 5 năm VND</b>
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	382.050.332.490	392.014.636.110	392.014.636.110	-	-	-
Phải trả người bán	112.511.592.611	112.511.592.611	112.511.592.611	-	-	-
Phải trả người lao động	18.689.773.243	18.689.773.243	18.689.773.243	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	16.711.793.493	16.711.793.493	16.711.793.493	-	-	-
Chi phí phải trả	41.426.520.157	41.426.520.157	41.426.520.157	-	-	-
	<b>571.390.011.994</b>	<b>581.354.315.614</b>	<b>581.354.315.614</b>	-	-	-

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND	Hơn 5 năm VND
<b>Vay và nợ ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn	146.845.422.227	150.677.631.966	150.677.631.966	-	-	-
Phải trả người bán	28.430.048.603	28.430.048.603	28.430.048.603	-	-	-
Phải trả người lao động	5.677.452.197	5.677.452.197	5.677.452.197	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.917.119.304	12.917.119.304	12.917.119.304	-	-	-
Chi phí phải trả	2.661.085.288	2.661.085.288	2.661.085.288	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn	121.964.851.296	166.374.531.353	45.604.573.572	41.446.172.505	63.003.576.943	16.320.208.333
	<b>318.495.978.915</b>	<b>366.737.868.711</b>	<b>245.967.910.930</b>	<b>41.446.172.505</b>	<b>63.003.576.943</b>	<b>16.320.208.333</b>

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng với các ngân hàng.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro hối đoái**

Tập đoàn không có rủi ro hối đoái trọng yếu do chủ yếu các giao dịch của Tập đoàn được thực hiện bằng VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và công ty con.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, 248 tỷ VND nợ phải trả của Tập đoàn chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Các khoản tương đương tiền	80.100.000.000	31.590.000.000
Trả trước cho người bán	114.114.326.796	177.563.759.367
Vay ngắn hạn	(133.590.847.155)	
	<hr/>	<hr/>
	60.623.479.641	209.153.759.367
	<hr/>	<hr/>
<b>Công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</b>		
Tiền gửi ngân hàng	13.741.650.879	8.135.516.116
Vay ngắn hạn	(248.459.485.335)	(146.845.422.227)
Vay dài hạn	-	(121.964.851.296)
	<hr/>	<hr/>
	(234.717.834.456)	(260.674.757.407)
	<hr/>	<hr/>

Mỗi thay đổi 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1,7 tỷ VND lợi nhuận thuần của Tập đoàn (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2,02 tỷ VND). Phân tích này giả định rằng các biến số khác, đặc biệt tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được thể hiện trong bảng cân đối kế toán như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền và các khoản tương đương tiền	93.985.792.596	39.921.238.387
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	34.493.082.593	7.770.266.538
- Trả trước người bán	114.114.326.796	177.889.957.696
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:		
- Đầu tư vào công cụ vốn	104.317.994.798	104.317.994.798
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Vay ngắn hạn	382.050.332.490	268.810.273.523
- Phải trả người bán và phải trả khác	129.223.386.104	41.347.167.907
- Các khoản nợ ngắn hạn khác	60.116.293.400	8.338.537.485

*Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, trả trước người bán, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, vay ngắn hạn và nợ phải trả ngắn hạn khác*

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính này xấp xỉ bằng giá trị hợp lý của chúng do thời gian đáo hạn ngắn hạn của các công cụ này.

*Đầu tư vào công cụ vốn*

	Thuyết minh	30/6/2013	
		Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa	(i)	817.994.798	851.530.400
Công ty Cổ phần Điện Gia Lai	(ii)	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tin	(ii)	19.500.000.000	-
		104.317.994.798	851.530.400

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa được xác định bằng cách tham chiếu tới giá thị trường trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 28 tháng 6 năm 2013.

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

- (ii) Công ty Cổ phần Điện Gia Lai và Công ty Cổ phần Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín là các công ty chưa niêm yết và có lợi nhuận trong kỳ. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính theo yêu cầu của Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường năng động cho các khoản đầu tư này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường năng động. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

### 34. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Cổ tức đã công bố nhưng chưa thanh toán	7.229.508.197	-
Khoản đầu tư tăng thêm được chuyển từ khoản phải thu	1.550.000.000	-

### 35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
<b>Các cổ đông</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công</b>		
Bán hàng hóa	168.701.528.717	178.920.942.533
Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa	30.000.000.000	278.254.160.000
Vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Trả nợ vay ngắn hạn	12.000.000.000	-
Thu nhập lãi do thanh toán chậm	815.233.238	-
Chi phí lãi từ ứng trước mua hàng hóa	511.237.849	423.111.111
Phí tư vấn	403.636.364	168.487.000
Chi phí lãi vay	26.666.667	-
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Mía đường 333</b>		
Ứng tiền mua cổ phiếu	-	10.814.600.000
Cổ tức	-	4.177.360.000
Lãi ứng tiền mua cổ phiếu	-	1.038.201.600

**Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
<b>Công ty Cổ phần Mía đường Phan Rang</b> Bán hàng hóa	320.285.714	-
<b>Công ty Cổ phần Điện Gia Lai</b> Phí tư vấn Cổ tức	2.503.000.000 7.229.508.197	- -
<b>Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh</b> Phí tư vấn	1.110.000.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa</b> Nhận tiền ứng trước mua hàng hóa Bán hàng hóa Chi phí lãi từ ứng trước mua hàng hóa Cổ tức	130.000.000.000 161.393.290.265 1.698.681.264 87.486.000	- - - -
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bao bì Thành Thành Công</b> Mua hàng hóa Bán hàng hóa	67.961.817.519 10.571.501.688	- -
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thù lao	4.062.504.409	3.106.274.992

### 36. Cam kết vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	232.587.373.350	182.214.239.600



Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

37. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2013 VND	30/6/2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	691.305.272.722	684.542.988.491
Chi phí nhân công	37.668.442.916	29.607.958.673
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.423.361.438	31.004.692.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.871.988.726	15.115.180.997
Chi phí khác	20.281.791.060	15.144.533.421

Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Võ Thị Thúy Tiên



Ngày 21 tháng 8 năm 2013